

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 75 /NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình  
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi  
Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 20**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của  
Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm  
nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai  
đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương  
thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của  
Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục  
tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm  
2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương  
trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của  
Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân  
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương  
trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền  
vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn  
vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (nguồn vốn: ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh); Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi là 150.080 triệu đồng, trong đó:

1. Vốn ngân sách trung ương là 135.537 triệu đồng.
2. Vốn ngân sách tỉnh là 14.543 triệu đồng.

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Thị Quỳnh Vân**

**PHỤ LỤC 1**  
**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**  
**Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh đối ứng**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Luỹ kế vốn đã giao đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>568.313</b>	<b>512.206</b>	<b>56.107</b>	<b>315.835</b>	<b>284.852</b>	<b>30.983</b>	<b>150.080</b>	<b>135.537</b>	<b>14.543</b>	
1	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</b>	<b>455.926</b>	<b>414.478</b>	<b>41.448</b>	<b>258.373</b>	<b>234.885</b>	<b>23.488</b>	<b>127.356</b>	<b>115.778</b>	<b>11.578</b>	
*	<b>Tiểu dự án 1-Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</b>	<b>455.926</b>	<b>414.478</b>	<b>41.448</b>	<b>258.373</b>	<b>234.885</b>	<b>23.488</b>	<b>127.356</b>	<b>115.778</b>	<b>11.578</b>	
	<b>Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</b>	<b>406.426</b>	<b>369.478</b>	<b>36.948</b>	<b>228.673</b>	<b>207.885</b>	<b>20.788</b>	<b>117.456</b>	<b>106.778</b>	<b>10.678</b>	
-	Huyện Sơn Tây	192.128	174.662	17.466	108.100	98.273	9.827	55.524	50.477	5.048	
-	Huyện Trà Bồng	214.298	194.816	19.482	120.573	109.612	10.961	61.931	56.301	5.630	

	<i>Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (xã ĐBK)</i>	<b>49.500</b>	<b>45.000</b>	<b>4.500</b>	<b>29.700</b>	<b>27.000</b>	<b>2.700</b>	<b>9.900</b>	<b>9.000</b>	<b>900</b>	
-	Huyện Lý Sơn	49.500	45.000	4.500	29.700	27.000	2.700	9.900	9.000	900	
<b>2</b>	<b>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở</b>	<b>112.387</b>	<b>97.728</b>	<b>14.659</b>	<b>57.462</b>	<b>49.967</b>	<b>7.495</b>	<b>22.724</b>	<b>19.759</b>	<b>2.965</b>	
<b>2.1</b>	<b>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</b>	<b>94.947</b>	<b>82.563</b>	<b>12.384</b>	<b>57.462</b>	<b>49.967</b>	<b>7.495</b>	<b>17.000</b>	<b>14.782</b>	<b>2.218</b>	
-	<i>BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp</i>	<i>94.947</i>	<i>82.563</i>	<i>12.384</i>	<i>57.462</i>	<i>49.967</i>	<i>7.495</i>	<i>17.000</i>	<i>14.782</i>	<i>2.218</i>	<b>Chi tiết theo phụ lục 2</b>
<b>2.2</b>	<b>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</b>	<b>17.440</b>	<b>15.165</b>	<b>2.275</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.724</b>	<b>4.977</b>	<b>747</b>	
-	<i>Sở Lao Động Thương Binh và Xã hội</i>	<i>17.440</i>	<i>15.165</i>	<i>2.275</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>5.724</i>	<i>4.977</i>	<i>747</i>	<b>Chi tiết theo phụ lục 2</b>

## PHỤ LỤC 2

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

**Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh**

*(Kèm theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)*

*Đvt: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	Đầu mối giao kế hoạch/ chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
						Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
							NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh	
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>101.945</b>	<b>88.511</b>	<b>13.434</b>	<b>112.387</b>	<b>97.728</b>	<b>14.659</b>	<b>57.462</b>	<b>49.967</b>	<b>7.495</b>	<b>22.724</b>	<b>19.759</b>	<b>2.965</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở</b>					<b>101.945</b>	<b>88.511</b>	<b>13.434</b>	<b>112.387</b>	<b>97.728</b>	<b>14.659</b>	<b>57.462</b>	<b>49.967</b>	<b>7.495</b>	<b>22.724</b>	<b>19.759</b>	<b>2.965</b>	
<b>1.1</b>	<b>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</b>					<b>94.947</b>	<b>82.563</b>	<b>12.384</b>	<b>94.947</b>	<b>82.563</b>	<b>12.384</b>	<b>57.462</b>	<b>49.967</b>	<b>7.495</b>	<b>17.000</b>	<b>14.782</b>	<b>2.218</b>	
*	Công trình chuyên tiếp sang năm 2024					94.947	82.563	12.384	94.947	82.563	12.384	57.462	49.967	7.495	17.000	14.782	2.218	

-	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi (Giai đoạn 2)	Ban Quản lý ĐTXD các công trình dân dụng và CN tỉnh	Tp. Quảng Ngãi	2022-2025	Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	55.386	48.162	7.224	55.386	48.162	7.224	24.541	21.340,5	3.200,5	15.000	13.043	1.957	
-	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	Ban Quản lý ĐTXD các công trình dân dụng và CN tỉnh	Tp. Quảng Ngãi	2022-2024	Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	39.561	34.401	5.160	39.561	34.401	5.160	32.921	28.626,5	4.294,5	2.000	1.739	261	
1.2	<b>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</b>					6.998	5.948	1.050	17.440	15.165	2.275	-	-	-	5.724	4.977	747	
*	Công trình khởi công mới năm 2024					6.998	5.948	1.050	17.440	15.165	2.275	-	-	-	5.724	4.977	747	

-	Trung tâm Dịch vụ làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	2024-2025	Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	6.998	5.948	1.050	17.440	15.165	2.275	-	-	-	5.724	4.977	747	Dự kiến trình HĐN D điều chỉnh kế hoạch trung hạn trong năm 2024
---	-----------------------	-----------------------------------	---------------------------------	-----------	---	-------	-------	-------	--------	--------	-------	---	---	---	-------	-------	-----	--